TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Quyết

2. Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1974, đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường S, tổ dân phố N, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại: Tổ dân phố H, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Xuân Q, sinh năm 1973, cư trú tại: Đường S, tổ dân phố N, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 23-6-2017 và tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Chị và anh Q chung sống với nhau từ năm 1993 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 06-7-1996. Chị và

anh Q có 03 con chung là cháu Hoàng Như N, sinh năm 1995, cháu Hoàng Như Q, sinh ngày 27-9-1999 và cháu Hoàng Xuân N, sinh ngày 16-03-2009.

Chị và anh Q chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi nhau với nguyên nhân do cách sống của vợ chồng không thể dung hòa, không tìm được tiếng nói chung. Chị và anh Q không còn tôn trọng, quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng. Anh Q chửi, xúc phạm chị nhiều lần. Anh đánh chị có lần phải vào điều trị ở bệnh viện. Hơn nữa, anh Q không vun vén cho gia đình, bỏ mặc chị một mình lo cho cuộc sống gia đình.

Chị sống ly thân nhiều lần nhưng được gia đình động viên nên chị cố gắng quay về chung sống cùng anh Q. Năm 2015, chị thực hiện thủ tục ly hôn anh Q tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Sau đó, chị rút đơn khởi kiện vì thương các con. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện, hai anh chị không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn. Từ tháng 01 năm 2015, chị sống nhờ tại nhà của gia đình ông Đinh Đình H (là chú ruột của chị T) ở phường N, quận Đ, không gặp gỡ nhưng anh Q liên lạc điện thoại chửi mắng, xúc phạm nên chị không thể quay về tiếp tục chung sống.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chị được ly hôn với anh Q; giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Hoàng Như Q, giao cho anh Q trực tiếp nuôi cháu Hoàng Xuân N; tự thỏa thuận và không yêu cầu về tiền cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Bị đơn anh Hoàng Xuân Q mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng (trừ anh Hoàng Xuân Q) đã chấp hành đúng thời hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Anh Q có hành vi bạo lực gia đình và quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Hoàng Xuân Q; giao cháu Hoàng Như Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Xuân N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không giải quyết về tiền cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của đương sự, trình bày của những người làm chứng, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn không chấp hành, vắng mặt tại các buổi lấy lời khai, vắng mặt hai lần tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa. Trên cơ sở thu thập chứng cứ đầy đủ, toàn diện vụ án và sự vắng mặt lần thứ hai của bị đơn tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân:

[2] Trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh Hoàng Xuân Q và chị Đinh Thị T là hợp pháp.

[3] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ được Tòa án xác minh, thu thập khách quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ ý kiến của Công an phường V, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em, Chi hội phụ nữ và của những người làm chứng, phù hợp với trình bày của nguyên đơn mà không có ý kiến phản đối của bị đơn. Do vậy, đủ cơ sở khẳng định:

[4] Trong quá trình hôn nhân, anh Q mâu thuẫn với chị T kéo dài nhiều năm tuy được người thân thích, tổ dân phố, Chi hội phụ nữ hòa giải nhiều lần nhưng không thay đổi, cải thiện nên anh chị thiếu tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, uy tín cho nhau. Anh Q có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của chị T. Do đó, anh Q không thực hiện nghĩa vụ theo Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Từ đầu năm 2015, chị T ly thân hoàn toàn với anh Q. Vợ, chồng anh chị không quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau. Chị T và anh Q không chia sẻ, giúp đỡ, trách nhiệm chung trong công việc gia đình. Do vậy, chị T, anh Q không thực hiện đúng trách nhiệm theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Anh Q vắng mặt tại các buổi lấy lời khai, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa nên anh Q bỏ mặc việc hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

[7] Từ những nhận định của [4], [5], [6] thì quan hệ giữa vợ và chồng của chị T, anh Q trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn tình nghĩa vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị được ly hôn anh Q là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung:

[8] Theo các điều 69, 70, 71 và 72 của Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T và anh Q có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau đảm bảo trông nom, nuôi

dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các con, thương yêu các con, chăm lo việc học tập, giáo dục, làm gương tốt cho các con về mọi mặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường, cơ quan, tổ chức trong việc giáo dục để các con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

[9] Chị T, anh Q có 03 con chung nhưng cháu Hoàng Như N trên 18 tuổi và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử giải quyết về việc tranh chấp nuôi dưỡng đối với cháu Hoàng Như Q và cháu Hoàng Xuân N. Trên cơ sở yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu Xuân N thì anh Q cũng có nguyện vọng mong muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Xuân N. Việc mong muốn trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là nguyện vọng chính đáng của đương sự, phù hợp quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[10] Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu Như Q, của cháu Xuân N phù hợp với ý kiến của đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em, Chi hội phụ nữ, đại diện của Nhà trường; căn cứ các tài liệu, chứng cứ liên quan về chỗ ở, công việc, thời gian làm việc, thu nhập của đương sự. Đồng thời, xem xét toàn diện về thực tế sinh hoạt, chỗ ở của các cháu nên mỗi đương sự cần tiếp tục được giao trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một con mới đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

[11] Từ nhận định của [8], [9], [10] thì chị T và anh Q phải có trách nhiệm ngang nhau, cùng nhau đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cháu Như Q, cháu Xuân N nhưng cần giao chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với cháu Như Q và giao anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đối với cháu Xuân N là phù hợp lợi ích của các cháu.

[12] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu và đề nghị được tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[13] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

[14] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị T.

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Hoàng Xuân Q.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Như Q và giao cho anh Hoàng Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Xuân N đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Q không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 *(*Ba trăm nghìn*)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2010/7187 ngày 28-02-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ nên chị T nộp đầy đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Đương sự;
- UBND phường N;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh